TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 01-8-2025
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Quang.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 7 và 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn U, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1947; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn U là anh Đỗ Vũ H1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2024. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Văn U là ông Nguyễn Hoàng N là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Kiến Thị P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1954; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đỗ Vũ H1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Có mặt

3.2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp).

3.3. Chị Võ Thị Thu H2, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L, chị Võ Thị Thu H2 là anh Đỗ Vũ H1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp) theo Hợp đồng ủy quyền cùng ngày 24 tháng 02 năm 2025. Có mặt

3.4. Cháu Đỗ Thị Kim A, sinh năm 2014;

3.5. Cháu Đỗ Gia B, sinh năm 2021;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đỗ Thị Kim A, cháu Đỗ Gia B là cha ruột anh Đỗ Vũ H1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; Cùng nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Có mặt

3.6. Chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1985; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kim N1 là bà Kiến Thị P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1954; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 6 năm 2025. Có mặt.

3.7. Bà Kiến Thị N2, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Có mặt

3.8. Chị Đỗ Thị N3, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Có mặt

4. Người làm chứng:

4.1. Chị Dương Thị H3, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Có mặt

4.2. Chị Đỗ Thị D, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1986; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp CX, xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2024, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đỗ Văn U do anh Đỗ Vũ H1 đại diện theo ủy quyền cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng N trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông Đỗ Văn K là cha của ông Đỗ Văn U và ông Đỗ Văn D1 (đã chết, chồng bà Trần Thị A) cho trước năm 1975, có chiều ngang 15,5m, chiều dài khoảng 102-106m, ông U và ông D1 thỏa thuận phần của ông U là có chiều ngang 7,5m còn của ông D1 là 08m, ông U và ông D1 đã được cấp quyền sử dụng đất.

Ông U được cấp quyền sử dụng đất vào năm 2006, phần đất có diện tích 808m^2 thuộc thửa đất 155, tờ bản đồ số 23 (thửa cũ là 48, tờ bản đồ số 10), đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), hiện quyền sử dụng đất của ông U không có thế chấp hay cầm cố cho ai, lúc đó hàng rào lưới B40 của bà Kiến Thị P đã có rồi, khi bà P làm hàng rào gia đình ông U có biết và có nói với bà P hàng rào qua đất của gia đình ông U, nhưng bà P nói làm hàng rào là rào gà, vịt, heo và mượn bức tường nhà của con ông U là Đỗ Thị N3 để làm hàng rào, khi nào xác định ranh đất thì tháo dở, do chòm xóm nên gia đình ông U cũng thống nhất cho bà P làm hàng rào. Việc bà P nói hàng rào để rào gà, vịt…không có làm giấy tờ, không ai chứng kiến. Ông U xác định hàng rào lưới B40 của bà Kiến Thị P không phải là hàng ranh đất hai bên. Trước đó đất gia đình

ông U với đất của bà P có trụ đá ranh, ranh giáp đường có trụ (ngây bật thềm), phía sau cũng có nhưng bà P làm rào đã nhỏ bỏ một số và một số còn nhưng đã bị chôn lấp.

Khi ông U cấp quyền sử dụng đất lần đầu không có đo đạc thực tế, đến năm 2023 đổi giấy thì cán bộ cấp giấy có đến đo đạc thực tế, lúc đó phần đất giáp ranh với đất ông U (ranh trên) là đất của bà Kiến Thị P có em ruột bà Kiến Thị N2 chứng kiến việc bên ông U đo đạc hiện trạng đất để đổi giấy quyền sử dụng đất, bà N2 có thống nhất và cùng gia đình ông U xuống 03 trụ đá ranh, bà Kiến Thị P cũng có mặt chứng kiến.

Đến khoảng tháng 9 năm 2023, anh Đ cán bộ Văn phòng đất đai huyện Hồng Ngự có lên đo hiện trạng diện tích đất của ông U và bà Trần Thị A cộng lại chiều ngang là 15,60m, phần đất của bà Kiến Thị P là 15,60m, (trong đó dư 20cm tương đương 02 tất) bà P kêu chia mỗi bên 10cm (01 tất) mỗi người diện tích hiện tại là 15,60m, ông U và bà P đã thống nhất và xuống trụ đá (cặp lộ làng là 2,7m), thì phần hàng rào làm bằng lưới B40 của bà P đã chiếm qua phần đất của ông U là 40cm (04 tất), bà P vẫn đồng ý cho kéo dây và xuống 3 trụ đá để phân ranh, bà P cũng thống nhất xuống trụ đá và hứa sẽ dọn dẹp hàng rào, để trả lại phần đất cho ông U. Việc bà P, ông U xuống trụ đá ranh, bà P thống nhất di dời hàng rào, xuống trụ đá ranh không có làm văn bản, có sự chứng kiến của cán bộ là anh Được văn phòng đất đai huyện Hồng Ngự, bên phía gia đình ông U gồm có ông U, con của ông U là Đỗ Vũ Hoà, anh Đỗ Vũ Phương, Dương Thị H3, Đỗ Thị D (con ông D1). Bên phía bà P có Kiến Thị N2 (là em ruột của bà P), Kiến Thị P cùng chứng kiến xuống 03 trụ đá ranh, bà N2 là người trực tiếp cầm dây thước ra đo để chia diện tích đất cho hai bên.

Sau đó, không biết lý do gì, bà P lại không chịu tháo rỡ hàng rào. Đến nay thì bà P nói ngược lại, hàng rào nói trên là nằm bên phần đất của bà P, bà P không thống nhất di dời hàng rào trả đất lại cho ông U. Do bà P không thực hiện theo thoả thuận (tháo dỡ và di dời hàng rào đi nơi khác, trả đất lại cho nên ông U đã làm đơn gửi đến Ban Nhân dân ấp CX và Ủy ban Nhân dân xã TP1, yêu cầu bà Kiến Thị P phải thực hiện việc tháo dỡ hàng rào và trả lại phần đất. Phần đất bà P đang quản lý, sử dụng khi bà P được cấp quyền sử dụng đất thì gia đình ông U không ai chứng kiến ký tứ cận.

Nay ông Đỗ Văn U yêu cầu bà Kiến Thị P di dời hàng rào lưới B40 đi nơi khác, trả lại cho ông U phần đất theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XXII) có diện tích 38,2m^2 từ các mốc M7, M11, M13. Tại phần xét hỏi, anh H1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện lấy điểm giữa từ mốc M6 đến M7, tuy nhiên tại phần tranh luận anh H1 yêu cầu xác định ranh ngay mốc M7, như vậy phần yêu cầu của nguyên đơn vẫn giữ nguyên không có thay đổi.

Bị đơn bà Kiến Thị P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kim N1, trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của mẹ bà tên Trần Thị K (đã chết) do mẹ bà lớn tuổi nên 27 tháng 02 năm 2006 bà được ủy quyền đứng tên quyền sử dụng đất phần đất. Phần đất có diện tích 1.729m^2, thuộc thửa 45 tờ bản đồ số 10, đất ở tại nông thôn do hộ bà đứng tên quyền sử dụng đất.

Phần đất bà có tứ cận như sau: ranh trên tiếp giáp với ông Lê Văn N (từ lộ làng đến đường nước hợp tác xã đều có trụ đá, hiện giáp đất ông Lê Vũ T), ranh dưới tiếp giáp với đất ông U cũng đều có trụ đá (03 trụ đá hiện tại, do ông U và bà N2 tự xuống trụ, bà không có chứng kiến), ranh ngoài tiếp giáp Sông Cửu Long, ranh trong tiếp giáp với đường nước Hợp tác xã.

Đến năm 2017, mẹ bà bệnh chết bà quản lý và sử dụng đất cho đến nay. Không nhớ ngày khoảng tháng 9 năm 2023 địa chính có lên đo lại diện tích đất của ông Đỗ Văn U và bà Trần Thị A (là vợ ông D1), em ruột bà là bà Kiến Thị N2 có ký tên tứ cận trong biên bản đo đạc phần đất ông U và bà A, để ông U và bà A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không phải nói rõ là chiều ngang đất ông U, bà A và đất của bà bao nhiêu mét như anh H1 đã trình bày, kêu bà N2 ký nên ký tên vào biên bản, bà N2 ký tên là để cho ông U, bà A chia đất. Lúc đó, bà có ở nhà nhưng không trực tiếp ra chỉ ranh hay ký biên bản, sau khi bà N2, ông U chôn 03 trụ đá ranh xong, lúc đó địa chính vẫn còn ở tại nhà bà thì bà kiểm tra lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà được cấp có bao nhiêu, thì bà biết đất của bà có chiều ngang trong giấy là 16,2m, không phải 16,5m như bà N2, ông U đã thỏa thuận. Thẩm phán có giải thích cho bà biết, hiện trạng đất, thực tế bà đang sử dụng so với lời trình bày của bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều ngang 16,2m là nhiều hơn.

Ranh đất giữa bà và ông U, bà A trước đây có hàng gòn hai bên không biết ranh tới đâu, bà trồng gòn thí (trồng đại) vậy thôi, chứ không có đo đạc và cũng không có trụ đá ranh. Không nhớ ngày tháng năm, chỉ nhớ hàng rào lưới B40 trên đất tranh chấp thì bà đã làm (dựng lên) cách đây hơn 15 năm, còn hàng rào phía trước nhà, giáp đường, rào ngang là làm cách đây khoảng 08 năm như hiện nay, khi bà làm hàng rào không ai tranh chấp, ngăn cản. Hàng rào trên đất tranh chấp là hàng rào ranh, khi làm hàng rào bà có nói với ông U "hàng rào để không cho gà vô đất, nếu sau này nhà nước lên đo lại đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, nếu hàng rào của bà lấn, chiếm qua đất ông U, bà A thì bà tự động tháo dời và trả lại đất cho ông U".

Bà không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn U, thống nhất hàng rào lưới B40 trên đất tranh chấp là ranh giới quyền sử dụng đất giữa 02 bên. Nếu Tòa án xác định hàng rào lưới B40 của bà nằm trên đất tranh chấp thuộc đất của ông U thì bà thống nhất di dời. Ngoài ra, bà không trình bày hay yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kiến Thị N2 trình bày: Bà là em ruột của bà Kiến Thị P, phần đất tranh chấp của mẹ bà tên Trần Thị K (đã chết) giao lại cho bà P. Vào khoảng tháng 9 năm 2023 địa chính có lên đo lại diện tích đất của ông Đỗ Văn U và bà Trần Thị A (là vợ ông D1), bà có ký tên tứ cận trong biên bản đo đạc phần đất ông U và bà A, để ông U và bà A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không phải nói rõ là chiều ngang đất ông U, bà A và đất của gia đình bà bao nhiêu mét như phía ông U đã trình bày, bà ký tên là để cho ông U, bà A chia đất. Lúc đó, bà P có ở nhà nhưng không trực tiếp ra chỉ ranh hay ký biên bản, nên bà không chấp nhận theo yêu cầu của ông U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị N3 trình bày: Chị là con của ông Đỗ Văn U, chị ở trên đất trên 20 năm, lúc chồng bà P còn sống, hàng rào ban đầu là bông bụp, tới hàng rào sắt, tự bà P làm hàng rào, cha mẹ chị có nói ranh tới đâu làm hàng rào tới đó, bà P nói lở làm nào làm hàng rào kiên cố thì dời, sau này làm hàng rào lại giành đất của ba chị luôn. Ranh đất có trụ hết mà làm hàng rào qua trụ ranh luôn. Đồng thời, xung quanh đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ai cũng có 15,5m, không ai có đất 16,2m như bà P hết.

Người làm chứng chị Đỗ Thị D trình bày: Chị ở gần nhà chị N3, anh P. Năm 2022 địa chính tỉnh có lên đo đất để đổi bằng khoán cho dân, ba chị chết nên không làm giấy đỏ được, ở tỉnh hướng dẫn về làm thủ tục thừa kế, làm hồ sơ

tỉnh trả về nói diện tích không đủ. Rồi sau đó hướng dẫn tôi qua Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai. Ba tháng sau địa chính lên đo, có bà N2, bà P chứng kiến đo đạc, bà N2 cầm dây đo đạc, địa chính hỏi có đồng ý xuống trụ không, thì bà N2, bà P đều đồng ý các trụ ranh, địa chính có đưa giấy tờ cho bà N2, bà P ký tên. Đất gia đình chị chiều ngang cặp đường là 08m, còn đất ông U chiều ngang cặp đường là 7,5m, hiện nay ranh đất chị và ông U đã thống nhất với nhau.

Người làm chứng chị Dương Thị H3 trình bày: Nhà chị gần nhà ông U, bà P, giáp ranh trên nhà bà P, phần đất chị cất nhà là của ông U là cha chồng chị, nhà chị phía sau nhà chị N3. Giữa đất ông U và đất bà P từ trước tới nay có làm hàng rào gòn, sau này bà P, bà N2 làm lưới B40 nhưng nói rào gà, rào vịt, cha chồng nói không cho làm hàng rào sát vách nhà nhưng bà P nói rào gà thôi, sau này dời lên. Khi ông U làm thủ tục cấp giấy, đo đạc có giáp mặt với bà P, bà N2.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 21 tháng 02 năm 2025:

1. Giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 50, 155 tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp CX, xã TP1, huyện Hồng Ngự, đất trồng cây lâu năm khu vực 1, vị trí 1 trị giá 105.000đ/m^2 (một trăm lẻ năm nghìn đồng trên một mét vuông).

2. Hàng rào lưới B40 của bà Kiến Thị P có chiều dài 43,12m trị giá: 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tại Công văn 443/UBND-HC ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung:

- Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 10 (tương ứng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính chính quy năm 2023).

+ Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Văn U, có số bìa AH 284403, số vào sổ cấp GCN: H002527, ngày 29 tháng 11 năm 2006. Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng của hộ ông Đỗ Văn D. Việc cấp giấy chứng nhận đúng trình tự, thủ tục theo quy định, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận không đo đạc thực tế, không phát sinh tranh chấp, theo hồ sơ địa chính không ghi nhận thành viên trong hộ (*đính kèm: Đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sửdụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất photocopy*).

+ Năm 2023, hộ ông Đỗ Văn U đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sửdụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo bản đồ địa chính chính quy 2023 (cấp đổi theo dự án) đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Văn U thửa đất số 155, tờ bản đồ số 23, diện tích 763,6 m² có số bìa DM 930155, số vào số CN04155, ngày 27 tháng 10 năm 2023 (*đính kèm: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

- Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10 (tương ứng thửa 50, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính chính quy năm 2023),

+ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hồng Ngự ký xác nhận trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Kiến Thị P, có số bìa AĐ 741602, số vào số cấp GCN: H01403, ngày 23 tháng 01 năm 2009. Nguồn gốc: nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị K. Việc cấp giấy chứng nhận đúng trình tự, thủ tục theo quy định, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận không đo đạc thực tế, không phát sinh tranh chấp, theo hồ sơ địa chính không ghi nhận thành viên trong hộ (*đính kèm: Hợp đồng ủy quyền; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất photocopy*).

+ Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 23 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023) tương ứng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10 nhưng hiện tại chưa thực hiện cấp đổi theo hệ thống bản đồ địa chính chính quy năm 2023.

Tại công văn 1474/CNVPĐKĐĐHHN-ĐKCG&TTLT ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung:

- Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 10 (tương ứng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính chính quy năm 2023).

+ Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Văn U, có số bìa AH 284403, số vào sổ cấp GCN: H002527, ngày 29 tháng 11 năm 2006. Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng

của hộ ông Đỗ Văn Dẫn (*đính kèm: Đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sửdụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất photocopy*).

+ Năm 2023, hộ ông Đỗ Văn U đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sửdụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo bản đồ địa chính chính quy 2023 (cấp đổi theo dự án) đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Văn U thửa đất số 155, tờ bản đồ số 23, diện tích 763,6 m² có số bìa DM 930155, số vào số CN04155, ngày 27 tháng 10 năm 2023. Hiện tại, thửa đất chưa đăng ký giao dịch bảo đảm. (*đính kèm: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

- Các thửa đất số 45, 47, 481, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp được Văn phòng đăng ký quyền sửdụng đất huyện Hồng Ngự ký xác nhận trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Kiến Thị P, có số bìa AĐ 741602, AĐ 741601, AĐ 741603, số vào số cấp GCN: H01403, H01404, H01405, ngày 23 tháng 01 năm 2009. Nguồn gốc: nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị Kiệt. Hiện tại, các thửa đất chưa đăng ký giao dịch bảo đảm. (*đính kèm: Hợp đồng ủy quyền; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất photocopy*).

+ Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 23 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023) tương ứng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10 nhưng hiện tại chưa thực hiện cấp đổi theo hệ thống bản đồ địa chính chính quy năm 2023.

- Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị A, có số bia DM 928103, số vào số cấp GCN: CN11607, ngày 08 tháng 11 năm 2023. Nguồn gốc: nhận thừa kế của ông Đỗ Văn D. Hiện tại, thửa đất chưa đăng ký giao dịch bảo đảm. (*đính kèm: Đơn xin đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; Văn bản phân chia di sản thừa kế; Biên bản đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; Trích lục; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất photocopy*).

- Chi nhánh phối hợp Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự thực hiện hoàn tất sơ đồ đo đạc xác định diện tích thửa đất ngày 02 tháng 6 năm 2025 kèm theo".

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đỗ Văn U, buộc bà Kiến Thị P, bà Kiến Thị N2 và chị Nguyễn Thị Kim N1 liên đới trả lại cho ông Đỗ Văn U phần diện tích 9,3m^2 thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023 là thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 23).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn U yêu cầu bà Kiến Thị P di dời hàng rào trả lại quyền sử dụng đất lấn chiếm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 236 Luật đất đai năm 2024, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XXII) thì phần đất có diện tích 754,9m^2 trong phạm vi từ mốc M6, M8, M9, M10, M12, M13, M3, M4, M5 trở về mốc M6 tương ứng một phần thửa 50, một phần thửa 155, tờ bản đồ số 23 hiện do ông Đỗ Văn U quản lý, sử dụng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CN04155 ngày 27/10/2023 thì thửa 155 có chiều ngang giáp đường nhựa 7,50m, chiều ngang giáp kênh Đường Thét Cũ là 7,15m phù hợp với sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp.

[3] Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XXII) thì phần đất có diện tích 1665,9m^2 trong phạm vi từ mốc M1, M2, M3, M11, M7 trở về mốc M1 tương ứng một phần thửa 50, tờ bản đồ số 23 hiện do bà Kiến Thị P quản lý, sử dụng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H01403 ngày 27/02/2006 cho hộ bà Kiến Thị P thì chiều ngang giáp đường nhựa là 16,2m, chiều ngang giáp đường nước (kênh Đường Thét Cũ) là 15,0m so với sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp thì chiều ngang giáp đường nhựa là 16,79m, đường nước là 14,97m.

[4] Phần đất các đương sự đang tranh chấp có diện tích 38,2m^2 trong phạm vi từ mốc M7, M11, M13, M12, M10, M8, M9, M6 trở về mốc M7 tương ứng một phần thửa 50, 155 tờ bản đồ số 23. Theo sơ đồ xác định diện tích thửa đất ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XXII), trong đó:

[4.1] Phần đất có diện tích 28,9m^2 trong phạm vi từ mốc M7, M11, M13, M15, M10, M14, M8, M6 trở về mốc M7, thuộc thửa 45 tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023 là thuộc thửa 50 tờ bản đồ số 23) do hộ bà Kiến Thị P đứng tên quyền sử dụng đất.

[4.2] Phần đất có diện tích 1,2m^2 trong phạm vi từ mốc M8, M14, M9 và 8,1m^2 đất trong phạm vi từ mốc M15, M13, M12 trở mốc M15, tổng cộng 9,3m^2 thuộc thửa 48 tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023 là thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 23) do hộ ông Đỗ Văn U đứng tên quyền sử dụng đất.

[5] Trong quá trình đo đạc hiện trạng đất tranh chấp thì phần đất giáp Kênh Đường Thét Cũ thì bà P, ông U đã thống nhất ranh đất hai bên tại mốc M3, M13.

[6] Tại phiên tòa, ông Đỗ Văn U do anh Đỗ Vũ H1 đại diện theo ủy quyền giữ nguyên cầu khởi kiện, yêu cầu bà Kiến Thị P di dời hàng rào lưới B40 trả lại cho ông U phần đất theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XXII) có diện tích 38,2m^2 tương ứng một phần thửa 50, 155 tờ bản đồ số 23. Nghĩa là, xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông Đỗ Văn U với đất của bà Kiến Thị P đường thẳng từ mốc M7,

M11, M13. Bị đơn bà Kiến Thị P không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn U, thống nhất hàng rào lưới B40 là ranh đất hai bên theo sơ đồ đo đạc thực ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XXII) là đường thẳng từ mốc M6 đến mốc M13 và nếu Tòa án xác định hàng rào lưới B40 của bà P nằm thuộc đất của ông U thì bà P thống nhất di dời.

[7] Về nguốc gốc đất tranh chấp:

[7.1] Anh Đỗ Văn H1 cho rằng trước năm 1975 cha ông U tên Đỗ Văn K để lại cho ông Đỗ Văn U và anh ruột ông U là ông Đỗ Văn D1 (đã chết, chồng của bà A) phần đất có diện chiều ngang 15,5m x chiều dài khoảng 102-106m, sau đó ông U và ông D1 đã thỏa thuận chia đất, cụ thể phần đất của ông U có chiều ngang 70,5m, phần đất của ông D1 có chiều ngang 08m và đến năm 2006 thì ông U được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự cấp quyền sử dụng đất có diện tích 808m^2 (giấy CNQSDĐ là 763,6m^2) thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 23 (thửa cũ là 48, tờ bản đồ số 10). Hàng rào lưới B40 trên đất tranh chấp là của bà P, không phải là hàng rào ranh hai bên, vì khi bà P làm (dựng) hàng rào thì gia đình ông U có nói với bà P là lấn đất của ông U nhưng bà P nói hàng rào sử dụng để rào gà, vịt, heo và mượn bức tường của chị ruột anh là Đỗ Thị N3 để làm hàng rào, khi nào xác định ranh đất hai bên thì tháo dở nên vào khoảng tháng 9 năm 2023 giữa ông U và bà P đã thống nhất và xuống trụ đá (cặp lộ làng 2,7m) phần hàng rào của bà P đã chiếm phần đất của ông U 04 tấc và bà P cũng đồng ý cho kéo dây và xuống 3 trụ đá để phân ranh và hứa dọn dẹp hàng ràn, để trả lại đất cho ông U. Việc bà P việc xuống trụ đá ranh, bà P hứa dọn dẹp hàng rào không có lập văn bản, không có người khác chứng kiến chỉ có người thân gia đình hai bên và anh Được cán bộ Văn phòng đất đai huyện Hồng Ngự chứng kiến.

[7.2] Bà Kiến Thị P cho rằng là ngày 27 tháng 02 năm 2006 do mẹ bà P tên Trần Thị K lớn tuổi nên ủy quyền cho bà P đứng tên quyền sử dụng phần đất có diện tích 1729m^2 thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10. Bà P không thừa nhận vào khoảng tháng 9 năm 2023, bà P và ông U thống nhất thỏa thuận xuống trụ đá ranh, mà do em ruột là bà là bà Kiến Thị N2 ký tên tứ cận trong biên bản đo đạc phần đất của U và bà A (vợ ông D1) chia, để ông U và bà A được cấp quyền sử dụng đất, không phải thống nhất ranh đất với ông U, sau khi bà N2 và ông U

xuống 03 trụ đá ranh xong thì bà kiểm tra lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà được cấp có chiều ngang 16,2m nên bà không đồng ý. Bà P thừa nhận khi làm hàng rào bà P có nói với ông U "hàng rào để không cho gà vô đất, nếu sau này nhà nước lên đo lại đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, nếu hàng rào của bà lấn, chiếm qua đất ông U, bà A thì bà tự động tháo dời và trả lại đất cho ông U", nếu Tòa án xác định hàng rào lưới B40 của bà nằm trên đất tranh chấp thuộc đất của ông U thì bà thống nhất di dời.

[8] Tại công văn 443/UBND-HC ngày 11/3/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung: "Việc cấp giấy chứng nhận cho hộ ông U, bà P đúng trình tự, thủ tục theo quy định, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận không đo đạc thực tế" và theo sơ đồ xác định diện thửa đất ngày 02/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự xác định ranh giới giữa thửa đất 45 và thửa 48 là đường thẳng từ mốc M6, M8, M14, M13. Do đó, một phần hàng rào lưới B40 của bà Kiến Thị P có diện tích 9,3m^2 thuộc một phần thửa 45 (thửa 155) do hộ ông U đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời, bà P cũng thừa nhận nếu sau khi xác định ranh giới thửa đất thì bà P thống nhất di dời hàng rào, trả lại đất và bà N2 từng ký tên vào biên bản đo đạc để ông U, bà A được cấp quyền sử dụng đất. Nghĩa là, bà P, ông U đã thống nhất ranh đất hai bên.

[9] Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ông U do anh Đỗ Vũ H1 cho rằng ranh giới thửa đất của ông U tại vị trí mốc M7, nghĩa là hàng rào của bà Kiến Thị P lấn qua đất của ông U có diện tích 38,2m^2 nhưng anh H1 không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi thực tế chiều ngang hiện trạng đất ông U đang quản lý, sử dụng cũng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cũng như trong phần đất có diện tích 38,2m^2 thì ông U chỉ được cấp quyền sủ dụng đất có diện tích 9,3m^2 còn lại 28,9m^2 do hộ bà Kiến Thị P đứng tên quyền sử dụng đất.

[10] Từ những phân tích trên cho thấy, thực tế ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông Đỗ Văn U thuộc thửa 45 tờ bản đồ số 10 (tương ứng thửa 155 tờ bản đồ số 23) và đất bà Kiến Thị P thửa 48 tờ bản đồ số 10 (tương ứng thửa 50 tờ bản đồ số 23) đã được xác định rõ ràng ngay từ đầu. Do đó, căn cứ vào vị trí ranh giới của thửa đất 45 và thửa 48 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực

XXII) xác định tại sơ đồ xác định thửa đất ngày 02 tháng 6 năm 2025 nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đỗ Văn U, buộc bà Kiến Thị P, bà Kiến Thị N2, chị Nguyễn Thị Kim N1 di dời hàng rào trả lại cho ông U phần đất có diện 9,3m^2 thuộc một phần thửa đất số thuộc 48 tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023 là thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 23), đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp) do hộ ông Đỗ Văn U đứng tên quyền sử dụng đất và xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông U với đất của bà P là đường thẳng từ mốc M6, M8, M14, M13, đất tọa lạc tại xã TP1, huyện HN (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp) là phù hợp với quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng 3.443.000 đồng (trong đó, sơ đồ 3.143.000 đồng, định giá 300.000 đồng) do yêu cầu của ông U được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu ½ chi phí này là 1.721.500 đồng ông Đỗ Văn U do anh Đỗ Vũ H1 đại diện đã tạm ứng và chị xong nên buộc bà Kiến Thị P, bà Kiến Thị N2, chị Nguyễn Thị Kim N1 liên đới trả lại cho ông U 1.721.500 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn U phải chịu 300.000 đồng đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; bà Kiến Thị P, bà Kiến Thị N2, chị Nguyễn Thị Kim N1 phải chịu 300.000 đồng đối với một phần yêu cầu của ông U được chấp nhận, do ông U, bà P là người cao tuổi, có đơn yêu cầu được miễn tiền án phí nên ông U, bà P được miễn tiền án phí theo quy định là phù hợp với quy định tại Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Kiến Thị N2, chị Nguyễn Thị Kim N1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1, 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 144, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 8 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đỗ Văn U. Buộc bà Kiến Thị P, bà Kiến Thị N2, chị Nguyễn Thị Kim N1 di dời hàng rào trả lại cho ông U phần đất có diện 9,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023 là thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 23) và xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông Đỗ Văn U (thửa 48, tờ bản đồ số 10) với đất của bà Kiến Thị P (thửa 45, tờ bản đồ số 10) là đường thẳng từ mốc M6, M8, M14, M13, đất tọa lạc tại TP1, huyện HN nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất. Tài sản, vật kiến trúc của bên nào lấn chiếm ranh đất thì phải di dời theo quy định của pháp luật.

(*Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp), Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất ngày 03 tháng 12 năm 2024, Sơ đồ xác định diện tích thửa đất ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực 12 - Đồng Tháp))*.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà Kiến Thị P, bà Kiến Thị N2, chị Nguyễn Thị Kim N1 liên đới trả lại cho ông Đỗ Văn U là 1.721.500 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Đỗ Văn U, bà Kiến Thị P được miễn tiền án phí theo quy định.

3.2. Bà Kiến Thị N2, chị Nguyễn Thị Kim N1 liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01 tháng 8 năm 2025).

6. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 12-Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng